TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2019/HSST
Ngày: 23/7/2019

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Quang Hoạch

2/ Ông Đinh Ngọc Hùng – Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện VKSND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Vũ Hoàng Q, sinh ngày 23/3/2002, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Q1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị giam giữ từ ngày 13/02/2019 đến ngày 20/02/2019 (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Q: Ông Vũ Văn Q1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974 (Có mặt); cùng trú tại: ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2/ Nguyễn Văn L, sinh ngày 15/02/2002, tại Nam Định; Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị giam giữ từ ngày 13/02/2019 đến ngày 20/02/2019. (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo L đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1976 (bà H có mặt, ông H vắng mặt); cùng trú tại: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Người bào chữa cho bị cáo Q và bị cáo L: Luật sư Bùi Quang V – Văn phòng Luật sư Bùi Quang V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; Trú tại: Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

3/ Nguyễn Duy Minh N, sinh năm 2000, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải T, sinh năm 1970 (đã chết) và bà Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

- ***Bị hại:*** Lê Tiến D, sinh ngày 29/3/2004

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật cho cháu D: Ông Lê Đình Đông, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Hiên, sinh năm 1978 (Ông Đông vắng mặt, bà Hiên có mặt); cùng trú tại: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Anh Lê Tuấn A, sinh năm 2000

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

2/ Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 34, H, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Người làm chứng

1/ Anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1999

2/ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1969

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Hoàng Q, Nguyễn Văn L và Nguyễn Duy Minh N là bạn bè quen biết nhau. Do có mâu thuẫn với Lê Tuấn A và Nguyễn Hoài Phong về việc nợ tiền sửa chữa xe nên vào khoảng 09 giờ ngày 13/02/2019 Q rủ L và N đi tìm Tuấn A và Phong để đòi nợ thì L và N đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển số 60H1 – 129.25 chở L và Q đến quán nước "BonPon" ở ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom để tìm Tuấn A. Khi đến khu vực chợ Phú Sơn thuộc ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom thì Q nói N dừng xe và Q mượn N 20.000 đồng để đi vào quán

tạp hóa mua 02 con dao thái lan cất dấu trong người rồi N tiếp tục điều khiển xe chở L ngồi giữa, Q ngồi sau đi tìm Tuấn A. Trên đường đi thì Q nói với L nếu Tuấn A không có tiền trả thì lấy xe mô tô của Tuấn A, khi nào Tuấn A trả tiền thì trả lại xe, L đồng ý. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến quán nước "BonPon" thì thấy Tuấn A đang ngồi uống nước trong quán cùng với Nguyễn Tấn H nên Q, L cùng đi vào quán để nói chuyện với Tuấn A về chuyện tiền bạc, N dựng xe đứng ở ngoài. Trong lúc nói chuyện thì Tuấn A cứ lảng tránh và không chịu để L chạy xe của Tuấn A chở đi tìm Phong nên Q đã dùng dao thái lan dấu trong người đâm 01 nhát vào lưng của Tuấn A, A Tuấn A bỏ chạy thì Q cầm dao đuổi theo nH không kịp nên Q quay lại và vứt bỏ con dao thái lan ở gốc cây trong quán nước. Sau đó Q tiếp tục lấy con dao thái lan còn lại cất giấu trong người và cầm dao chỉ vào mặt Lê Tiến D hỏi chìa khóa xe của Tuấn A đâu, D sợ bị đâm nên đưa chìa khóa xe của Tuấn A cho Q và Q đưa lại chìa khóa xe cho L. Sau đó, N điều khiển xe chở Q còn L điều khiển xe mô tô biển số 60B8 – 237.65 (xe của Tuấn A) đi khỏi quán nước.

Do khi đâm Tuấn A thì Q trượt tay và bị dao cứa đứt ngón tay nên N và L đưa Q đến Trạm y tế xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom để khâu vết thương. Tại đây, L mở cốp xe mô tô biển số 60B8 – 237.65 của Tuấn A thấy có giấy chứng nhận đăng ký xe và chứng minh nhân dân của Tuấn A nên L nói với Q và N đem xe của Tuấn A đi cầm cố lấy tiền trả cho Q và trả tiền khâu vết thương thì Q và N đồng ý. Sau đó, Q, L và N điều khiển xe đến tiệm cầm đồ "Tiến Trân" ở ấp An Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom cầm cố cho A Hồ Trọng Tiến được số tiền 5.500.000 đồng. Q lấy lại 2.500.000 đồng tiền nợ và tiền khâu vết thương, còn lại 3.000.000 đồng Q, L và N bàn bạc đem trả lại cho Tuấn A cùng giấy biên nhận cầm đồ. Khi đến quán nước "BonPon" thì thấy công an đang làm việc nên Q, L và N bỏ đi. Sau khi sự việc xảy ra, Lê Tiến D đã đến công an xã Bắc Sơn tố cáo hành vi của Q, L và N. Công an xã Bắc Sơn đã mời Q, L và N lên làm việc thì cả ba đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Sau đó cả ba bị cáo đã đưa tiền nhờ A Bùi Phan Minh Tiến đến tiệm cầm đồ Tiến Trân để chuộc xe trả lại cho bị hại. Công an xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom đã chuyển giao các đối tượng Q, L và N cùng toàn bộ hồ sơ, vật chứng cho Công an huyện Trảng Bom để thụ lý điều tra theo thẩm Q.

- Vật chứng thu giữ: 02 con dao thái lan (01 con dao thái lan dài khoảng 25 cm và 01 con dao thái lan dài khoảng 15 cm đã bị gãy cán dao), 01 xe mô tô biển số 60B8 – 237.65, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B8 – 237.65, 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Tuấn A và 01 xe mô tô biển số 60H1 – 129.25.

Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Trảng Bom ngày 23/11/2018 kết luận: "01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60B8-237, số máy 5C63-622241 đã qua sử dụng có trị giá là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)".

Xử lý vật chứng: Ngày 27/5/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho A Lê Tuấn A 01 xe mô tô biển số 60B8 – 237.65 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 chứng minh

nhân dân mang tên Lê Tuấn A. Anh Tuấn A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với xe mô tô biển số 60H1 – 129.25 là tài sản của cha mẹ bị cáo L, việc bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội ông Nguyễn Văn Hoàng và bà Đinh Thị Hòa không biết nên đã được Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản.

Tại bản cáo trạng số: 119/CT/VKS-HS ngày 12/6/2019, VKSND huyện Trảng Bom truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử bị cáo Vũ Hoàng Q, Nguyễn Văn L và Nguyễn Duy Minh N về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị tuyên bố các bị cáo phạm tội: "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng: Không. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng Q từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng đến 05 (Năm) năm tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng đến 05 (Năm) năm tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Minh N từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS, đề nghị Tòa tuyên tịch thu tiêu hủy 02 con dao thái lan (01 con dao thái lan dài khoảng 25 cm và 01 con dao thái lan dài khoảng 15 cm đã bị gãy cán dao) là công cụ các bị cáo sử dụng phạm tội.

Về dân sự: Tài sản là 01 xe mô tô biển số 60B8 – 237.65, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B8 – 237.65, 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Tuấn A Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã giao trả cho người bị hại. Bị hại không có yêu cầu bồi thường các khoản nào khác.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo Vũ Hoàng Q và Nguyễn Văn L phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhận thức còn hạn chế, hành vi của các bị cáo xuất phát từ việc mâu thuẫn trước với bị hại. Trước đó, bị hại đã đưa người đến đạp phá xe máy của bị cáo Q, Q đã báo công an giải quyết và việc sửa chữa xe hết 2.000.000đồng, Q nhiều lần tìm gặp Tuấn A đã đòi số tiền trên nH Tuấn A không có thiện trí trả nên Q mới rủ L và N đi đòi tiền. Trên đường đi Q nói với L nếu Tuấn A không trả tiền

thì xiết lấy xe khi nào Tuấn A trả tiền thì trả lại xe cho Tuấn A. Sau khi lấy được xe của Tuấn A thì Q, L, N mang xe đi cầm trừ số tiền nợ, tiền băng bó vết thương cho Q, số tiền còn dư 3.000.000đồng các bị cáo đã chủ động mang đến quán nước trả lại cho Tuấn A kèm theo giấy cầm đồ. Như vậy ngay từ đầu ý chí của các bị cáo là không mong muốn cướp xe của bị hại, nguyên nhân của sự việc xuất phát từ việc Tuấn A có lỗi trước, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với qui định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13/02/2019, tại khu vực quán nước "BonPon" ở ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Vũ Hoàng Q, Nguyễn Văn L và Nguyễn Duy Minh N thấy Lê Tuấn A cùng bạn là Nguyễn Tấn H ngồi uống nước trong quán "Bonpon" nên Q, L cùng đi vào quán để nói chuyện với Tuấn A về chuyện tiền bạc, N dựng xe đứng ở ngoài, sau khi Tuấn A Quay đi thì Q đã rút dao ra đâm Tuấn A, Tuấn A bỏ chạy. Trong lúc Q, L nói chuyện với Lê Tuấn A thì Lê Tiến D là em trai của Lê Tuấn A điều khiển xe mô tô biển số 60B8 – 237.65 của Lê Tuấn A chạy vào trong quán nước "BonPon" và dựng xe trong quán, A D rút chìa khóa xe ra và cất chìa khóa vào trong túi quần của mình. Sau khi đâm và đuổi theo Lê Tuấn A một đoạn thì Q và L cùng quay lại quán nước, L yêu cầu D giao chìa khóa xe cho L nH D không giao, cùng lúc đó Q từ ngoài chạy vào cầm dao chỉ vào mặt D hỏi chìa khóa xe của Tuấn A đâu, A D sợ bị đâm nên đã đưa chìa khóa xe cho Q và Q đưa lại chìa khóa xe cho L. L điều khiển xe của Lê Tuấn A đi ra khỏi quán nước. Q, L và N mang xe đi cầm được số tiền 5.500.000 đồng. Q lấy lại 2.500.000 đồng tiền nợ và tiền khâu vết thương, còn lại 3.000.000 đồng Q, L và N đem trả lại cho Tuấn A cùng giấy biên nhận cầm đồ, khi quay lại quán nước thì thấy công an đang làm việc các bị cáo bỏ chạy về nhà L. Sau đó, các bị cáo đã đưa tiền nhờ A Bùi Phan Minh Tiến đến tiệm cầm đồ Tiến Trân để chuộc xe trả lại cho bị hại. Vũ Hoàng Q đã có hành vi dùng dao thái lan đe dọa làm cho A Lê Tiến D lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt của A Lê Tiến D 01 xe mô tô biển số 60B8 – 237.65 có trị giá tài sản là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của Vũ Hoàng Q, Nguyễn Văn L và Nguyễn Duy Minh N đã phạm vào tội

“Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Các bị cáo phạm tội cướp tài sản mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn. Trong đó, vai trò của bị cáo Vũ Hoàng Q cao hơn vì đã là người rủ rê và chủ động cầm dao dí vào mặt A D để de dạo, bị cáo Nguyễn Văn L là người tích cực cùng bị cáo Q thực hiện hành vi trên và là người đề nghị mang xe đi cầm. Đối với Nguyễn Duy Minh N không tham gia bàn bạc việc nếu không đòi được tiền thì xiết lấy xe, cũng không dùng dao hay có hành vi de dọa bị hại để chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên N đã không can ngăn khi Q và L chiếm đoạt xe của bị hại và đã cùng với Q và L mang xe đi cầm. Vai trò của bị cáo Nguyễn Duy Minh N là thấp nhất vì chỉ thực hiện với vai trò giúp sức không đáng kể,

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Bị cáo N là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nH có vai trò không đáng kể nên xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn L có ông nội là người có thành tích trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Vũ Hoàng Q (đến ngày phạm tội bị cáo 16 tuổi 10 tháng 10 ngày) và Nguyễn Văn L (đến ngày phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 28 ngày) khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng thêm Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt. Tình tiết tăng nặng: các bị cáo phạm tội đối với người dưới 16 tuổi.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi và trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 02 con dao thái lan (01 con dao thái lan dài khoảng 25 cm và 01 con dao thái lan dài khoảng 15 cm đã bị gãy cán dao) (Các vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng ngày13/6/2019).

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Về tội dA, các biện pháp tư pháp, án phí và hình phạt đối với bị cáo Vũ Hoàng Q và Nguyễn Văn L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Duy Minh N từ 07 (Bảy) năm đến 07

(Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù là quá nghiêm khắc, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo N và những tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích ở trên.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Vũ Hoàng Q và Nguyễn Văn L thì thấy có phần phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Vũ Hoàng Q phạm tội "Cướp tài sản". Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng Q 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị bắt để chấp hành hình phạt tù. NH được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 13/02/2019 đến ngày 20/02/2019).

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Cướp tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 04 (Bốn) năm tù, Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị bắt để chấp hành hình phạt tù. NH được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 13/02/2019 đến ngày 20/02/2019).

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy Minh N phạm tội "Cướp tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Minh N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị bắt để chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 02 con dao thái lan (01 con dao thái lan dài khoảng 25 cm và 01 con dao thái lan dài khoảng 15 cm đã bị gãy cán dao) (Các vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2019).

3. Về dân sự: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Q, L, người bào chữa theo luật định cho bị cáo Q, L, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có

mặt tại phiên tòa được Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại, đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải